

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/DS-ST

Ngày: 03-5-2024

V/v tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L1.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn L2.

2. Ông Võ Ngọc B.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Q – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện H.

Trong ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 12/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Tuấn D, sinh năm 1991; Địa chỉ: Quốc lộ F, ấp C, xã T, huyện M, tỉnh L.

2. *Bị đơn:* Ông Trương Công X, sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện M, tỉnh L.

Ông D có mặt; ông X vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, ông Huỳnh Tuấn D trình bày:

Vào khoảng tháng 3 năm 2023, ông Trương Công X có mua thức ăn và thuốc thủy sản của H kinh doanh Hoàng Y do ông Huỳnh Tuấn D là chủ hộ kinh doanh. Tính đến ngày 18/12/2023 ông X còn nợ số tiền 409.910.000 đồng. Ông D nhiều lần yêu cầu ông X trả số tiền nói trên nhưng ông X không trả.

Nay ông Huỳnh Tuấn D yêu cầu ông Trương Công X có nghĩa vụ trả số tiền gốc là 409.910.000 (bốn trăm lẻ chín triệu chín trăm mười ngàn) đồng.

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng ông X không đến Tòa án, không có thể hiện ý kiến.

Tại phiên tòa, ông D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông D xác nhận không còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Ông D đồng ý công khai bản án trên Cổng thông tin điện tử Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “*tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản*”. Ông Trương Công X cư trú tại ấp B, xã T, huyện M, tỉnh L. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện H thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. *Về việc giải quyết vắng mặt ông Trương Công X:* Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, ông X vắng mặt nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt ông X.

[3]. *Xét yêu cầu của nguyên đơn về tiền gốc:*

[3.1]. Xét thấy, ông Huỳnh Tuấn D khởi kiện và đã cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là 01 sổ ghi số tiền nợ đề các ngày 04/12/2023, 05/12/2023, 06/12/2023, 18/12/2023 có chữ ký, chữ viết tên của ông Trương Công X. Ông X vắng mặt, không cung cấp tài liệu chứng cứ và cũng không thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông D. Do đó, căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo các tài liệu chứng cứ ông D cung cấp.

[3.2]. Sổ ghi số tiền nợ đề các ngày 04/12/2023, 05/12/2023, 06/12/2023, 18/12/2023 có chữ ký, chữ viết tên của ông X. Trên sổ có ghi rõ số tiền ông X còn nợ là 409.910.000 đồng. Do đó, căn cứ các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông D.

[4]. *Về án phí:*

Ông Trương Công X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như sau: 20.000.000 đồng + (4% x 9. 910.000 đồng) = 20.396.000 đồng.

Ông Huỳnh Tuấn D không phải chịu án phí, hoàn trả lại ông D số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự các Điều 357, Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về hợp đồng mua bán tài sản của ông Huỳnh Tuấn D đối với ông Trương Công X, buộc ông Trương Công X có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Tuấn D số tiền gốc là 409.910.000 (bốn trăm lẻ chín triệu chín trăm mười ngàn) đồng.

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Ông Trương Công X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.396.000 (hai mươi triệu ba trăm chín mươi sáu ngàn) đồng.

Ông Huỳnh Tuấn D không phải chịu án phí, hoàn trả lại ông D số tiền tạm ứng án phí 10.532.000 (mười triệu năm trăm ba mươi hai ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002760 ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

4. Ông Huỳnh Tuấn D có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Trương Công X có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án.

5. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện M;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- *CC.THADS huyện Mộc Hóa;*
- *Lưu hồ sơ, án văn.*

Nguyễn Thanh L1